TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **85**/2021/HS-ST
Ngày: 09 -7-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm công Gia và ông Trịnh Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh L, sinh năm 1984 tại Đồng Nai (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp PL, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1955 (đã chết); Anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là thứ tư; vợ Nguyễn Thị C, sinh năm 1987; có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019 .

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo: Tại ngoại

- *Bị hại:* Anh Phạm Văn D, sinh năm 1982 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1988 (vắng)

Địa chỉ: Ấp TT2, xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN.

2. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1942 (vắng)

Địa chỉ: Ấp 12, xã B, huyện PL, tỉnh BL.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1988 (vắng)

Địa chỉ: Ấp PL, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN.

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 2003 (vắng)

2. Anh Nguyễn Nhật T4, sinh năm 1985 (vắng)

Cùng địa chỉ: Ấp PL, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN

3. Anh Ân Tiến S, sinh năm 1985 (vắng)

Địa chỉ: Ấp PL3, xã PS, huyện TP, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thanh L là chủ thầu xây dựng tự phát, không có đăng ký kinh doanh. Đầu tháng 10 năm 2020, L và bà Nguyễn Thị T2 có thỏa thuận miệng với nhau về việc nhận thầu cải tạo nhà vệ sinh cũ, xây dựng nhà vệ sinh mới với giá 1m^2 là 580.000 đồng. Việc cải tạo và xây dựng mới công trình vệ sinh bà T2 không có xin giấy phép xây dựng. Để thực hiện cải tạo và xây dựng mới nhà vệ sinh cho bà T2, L người trực tiếp thuê 04 người gồm: Phạm Văn D, Ân Tiến S, Nguyễn Nhật T4 và Nguyễn Ngọc T3 làm công cho mình với tiền công theo thỏa thuận là 400.000 đồng/01 ngày. Giữa L và và người lao động không ký hợp đồng lao động.

Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 05/10/2020, L cùng với D, S, T3 và T4 đến nhà bà T2 tại ấp PL, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN để tiến hành san lấp mặt bằng xây dựng. Trước khi thực hiện đập dỡ bức tường cũ, L là người sử dụng lao động không có tổ chức huấn luyện công tác an toàn lao động; không trang bị đồ bảo hộ lao động và không có biện pháp để đảm bảo an toàn cho người lao động mà để cho người lao động làm việc theo kinh nghiệm của mình. Tại đây, L phân công cho D, S, T3 và T4 đập phá 01 bức tường cũ cao khoảng 02m, rộng 5m. Quá trình đập tường, anh D không đập từng mảng nhỏ từ trên xuống mà đập hai đường rãnh xung quanh một mảng tường rộng khoảng 01m, rồi một mình đẩy và xô bức tường thì bị mảng tường nứt gãy đổ đè lên người, sau đó anh D được đưa đi cấp cứu nhưng đã tử vong trên đường đi cấp cứu.

Bị cáo L đã không tuân thủ đúng quy dịnh tại Điều 14, Điều 23 Luật an toàn vệ sinh lao động năm 2015 và quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn xây dựng.

Điều 14, Luật an toàn vệ sinh lao động năm 2015 quy định:

"…….

2. Người sử dụng lao động tổ chức huấn luyện cho người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và cấp thẻ an toàn trước khi bố trí làm công việc này.

3. Người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động phải được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động khi làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và được cấp thẻ an toàn.

……."

Điều 23, Luật an toàn vệ sinh lao động năm 2015, quy định:

"1. Người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và phải sử dụng trong quá trình làm việc.

2. Người sử dụng lao động thực hiện các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật, thiết bị để loại trừ hoặc hạn chế tối đa yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động."

Tại mục 2.1.4 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn xây dựng, quy định:

"Người lao động làm việc trên công trường phải sử dụng đúng và đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định."

Tại mục 2.23.1.9 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn xây dựng, quy định:

"Khi tiến hành tháo dỡ, phải có biện pháp đề phòng các bộ phận công trình có nguy cơ sập đổ bất ngờ. Khi cắt kết cấu ra từng phần nhỏ, phải có biện pháp đề phòng những bộ phận còn lại bị sập bất ngờ, đồng thời phải có các biện pháp phòng tránh các bộ phận kết cấu bị cắt rời văng vào người."

Tại mục 2.23.3 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn xây dựng, quy định:

"Tường phải được phá dỡ theo từng tầng, bắt đầu phá dỡ từ trên mái xuống dưới. Khi cần thiết, những bức tường không có gì chống đỡ, phải được giằng chống lại khi tiến hành phá dỡ ".

Tại bản Kết luận giám định pháp y số 293/TT/2020 ngày 30/11/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận nguyên nhân tử vong của anh Phạm Văn D do đa chấn thương: Chấn thương ngực gây gãy xương ức, vỡ tim, chảy máu khoang ngực, kết hợp chấn thương gãy trật cổ chân trái.

Cáo trạng số 67/CT-VKSTP-ĐN ngày 14/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh L về tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a, khoản 1 Điều 295 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thanh L và đại diện hợp pháp của bị hại đã tự thỏa thuận về chi phí mai táng và bồi thường thiệt hại. Đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn bãi nại.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là đúng, bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa bị cáo không cung cấp thêm tài liệu nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Thanh L là chủ thầu xây dựng tự phát, không có đăng ký kinh doanh. Vào đầu tháng 10 năm 2020, bị cáo L và bà Nguyễn Thị T2 có thỏa thuận miệng với nhau về việc nhận thầu cải tạo nhà vệ sinh cũ, xây dựng nhà vệ sinh mới với giá $1m^2$ là 580.000 đồng. Việc cải tạo và xây dựng mới công trình vệ sinh bà T2 không có xin giấy phép xây dựng. Để thực hiện cải tạo và xây dựng mới nhà vệ sinh cho bà T2, L là người trực tiếp thuê 04 người gồm: Phạm Văn D, Ân Tiến S, Nguyễn Nhật T4 và Nguyễn Ngọc T3 làm công cho mình với tiền công theo thỏa thuận là 400.000 đồng/01 ngày. Giữa bị cáo L và và người lao động không ký hợp đồng lao động.

Bị cáo L là người sử dụng lao động nhưng không có tổ chức huấn luyện công tác an toàn lao động; không trang bị đồ bảo hộ lao động và không có biện pháp để đảm bảo an toàn cho người lao động. Người lao động trong quá trình làm công cho L đều tự làm việc theo kinh nghiệm của riêng mình. Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 05/10/2020, tại nhà bà T2 ở ấp PL, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN, L phân công D, S, T3 và T4 đập bỏ bức tường cũ để lấy mặt bằng xây dựng. Tại đây, D, S, T3 và T4 mỗi người chịu trách nhiệm đập dỡ một phần bức tường. Trong quá trình đập tường, D chịu trách nhiệm đập dỡ bức tường cao khoảng 02m, rộng 5m, D không đập và dỡ từng mảng nhỏ mà đập hai đường rãnh xung quanh một mảng tường rộng khoảng 01m, rồi một mình đẩy và xô bức tường thì bị mảng tường nứt gãy đổ đè lên người, sau đó anh D được đưa đi cấp cứu nhưng đã tử vong trên đường đi cấp cứu.

Bị cáo L không tuân thủ đúng quy định tại Điều 14, Điều 23 Luật an toàn vệ sinh lao động năm 2015 và quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn xây dựng như đã nêu trên.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người" như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đã làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo hiện tại có 02 con con nhỏ, là người lao động chính

trong gia đình là các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết giảm nhẹ này để tuyên mức án cho phù hợp nhằm nâng cao tính giáo dục pháp luật và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung và hoàn toàn phù hợp với các điều kiện áp dụng án treo được quy định tại Nghị quyết số 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 15 tháng 5 năm 2018.

Xét thấy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng; bản thân bị cáo thể hiện rõ sự ăn năn hối cải, ý chí quyết tâm tự cải tạo sửa chữa, Hội đồng xét xử nhận thấy không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà tuyên cho bị cáo mức hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau mà không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm a, khoản 1, Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội "Vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

- Giao bị cáo Nguyễn Thanh L cho Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 và khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 292; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Phi